

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM NÔNG
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2023/DS-ST

Ngày: 26-5-2023.

V/v Tranh chấp về quyền đòi lại
tài sản

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG, TỈNH ĐỒNG THÁP**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Kim Doãn

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Ánh Gương

2. Ông Nguyễn Hữu Phúc.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Đức – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông tham gia phiên tòa:***
Bà Hồ Thị Thuần- Kiểm sát viên.

Vào ngày 26 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 266/2022/TLST- DS ngày 01 tháng 11 năm 2022 về việc “ *Tranh chấp về quyền đòi lại tài sản*”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2023/QĐXXST-DS, ngày 04 tháng 4 năm 2023; Theo Thông báo về việc thay đổi ngày xét xử số 30/TB-TA ngày 24 tháng 4 năm 2023. Theo Thông báo về việc thay đổi ngày xét xử số 31/2023/TB-TA ngày 12/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông. Giữa:

1. *Nguyên đơn:* Quách Thị Kim H, sinh năm 1976.

Địa chỉ: ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

2. *Bị đơn:*

2.1. Phan Thanh B, sinh năm 1981

2.2. Lê Thị N, sinh năm 1955

Đại diện theo uỷ quyền của bị đơn bà Lê Thị N là anh Phan Thanh B.

Cùng địa chỉ: ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn chị Quách Thị Kim H trình bày:*

Tôi và anh Phan Thanh B kết hôn với nhau vào năm 2000. Sau khi cưới chúng tôi sống chung với Mẹ chồng là bà Lê Thị N. Năm 2012 bà N được Nhà nước bán cho một nền nhà tại Cụm dân cư xã A với hình thức trả chậm với số tiền là 20.000.000đ và được Nhà nước cho vay 80.000.000đ để xây nhà. Ngày 19/4/2012 bà N có làm di chúc cho vợ chồng tôi căn nhà này với điều kiện vợ chồng tôi phải trả nợ mà bà đã vay Ngân hàng. Chúng tôi đồng ý theo điều kiện của bà. Năm 2012 do nhà bị hư hỏng nặng nên tôi ra tiền sửa chữa nhà là 82.000.000đ, đây là khoản tiền riêng của tôi. Đến tháng 10/2017 giữa tôi và anh B có mâu thuẫn và chúng tôi cùng đến Tòa án nhân dân huyện Tam Nông thuận tình ly hôn, sau khi ly hôn tôi vẫn ở trong nhà bà N. Đến năm 2018 tôi thấy nhà bị hư hỏng nặng nên tôi tiếp tục sửa chữa lần hai với số tiền 45.000.000đ. Sau khi sửa nhà xong anh B kết hôn với người khác về đuổi tôi đi ra khỏi nhà, anh cho rằng nhà của Mẹ anh. Hôm nay tôi yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Phan Thanh B và bà Lê Thị N trả lại tôi số tiền tôi sửa nhà hai lần là 127.000.000đ, ngoài ra không yêu cầu gì khác.

- Bị đơn anh Phan Thanh B, đồng thời anh Phan Thanh B là đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Lê Thị N trình bày:

Theo lời trình bày và yêu cầu của cô Quách Thị Kim H tôi không đồng ý. Vì căn nhà này là của bà Lê Thị N (Mẹ ruột tôi), hiện bà N đứng tên. Việc cô H cho rằng vào năm 2012 bà N đã làm di chúc cho vợ chồng tôi là không đúng, cũng như việc cô H cho rằng cô đã bỏ tiền ra sửa nhà hai lần với tổng số tiền 127.000.000đ. Tôi thừa nhận vào năm 2012 (lúc này chúng tôi còn sống chung) chúng tôi có sửa nhà với số tiền 25.000.000đ, chúng tôi chỉ mua bộ cửa Đài loan và tô tường mà thôi, đây là tiền chung của vợ chồng tôi, vì nhà Mẹ tôi đã có sẵn. Đến năm 2017 chúng tôi cùng thuận tình ly hôn theo yêu cầu của cô H. Việc cô H trình bày: Năm 2018 cô tiếp tục sửa nhà lần hai với số tiền 45.000.000đ, vì lúc này chúng tôi đã ly hôn nhau, sau khi ly hôn cô H vẫn ở trong nhà Mẹ tôi. Khi cô H sửa nhà tôi không biết, sau khi về tôi thấy có đóng la phong và lợp lại mái nhà. Hôm nay cô H yêu cầu tôi và Mẹ tôi có trách nhiệm trả lại cô tiền sửa nhà hai lần với số tiền là 127.000.000đ tôi không đồng ý, tôi yêu cầu Tòa án căn cứ theo pháp luật giải quyết, ngoài ra không yêu cầu gì khác.

** Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát:*

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, nguyên

đơn, bị đơn, đại diện theo ủy quyền của Bị đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71, 72, 86 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 166 BLDS năm 2015, Điều 217 BLTTDS để: Chấp nhận một phần yêu cầu của chị Quách Thị Kim H đối với bà Lê Thị N. Buộc bà Lê Thị N phải trả lại cho chị H tiền sửa nhà số tiền 18.000.000đ. Không chấp nhận yêu cầu của chị H đối với anh Phan Thanh B. Đình chỉ yêu cầu của chị H đối với anh B và bà N về yêu cầu trả lại số tiền đóng lãi và gốc cho Ngân hàng Chính sách xã hội số tiền 4.763.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Về tố tụng:

- *Về thẩm quyền:* Bị đơn anh Phan Thanh B và bà Lê Thị N cùng địa chỉ tại ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Tam Nông theo quy định tại điểm c, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về quan hệ pháp luật:* Chị Quách Thị Kim H yêu cầu anh Phan Thanh B và bà Lê Thị N trả số tiền mà chị đã sửa nhà hai lần vào năm 2012 và năm 2018 nên xác định đây là quan hệ tranh chấp về quyền đòi lại tài sản được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự

[2]. Về nội dung:

Chị Quách Thị Kim H yêu cầu anh Phan Thanh B và bà Lê Thị N trả lại số tiền mà chị đã sửa nhà bà N hai lần vào năm 2012 và năm 2018 là 127.000.000đ. Xét yêu cầu chị H là có cơ sở chấp nhận một phần, bởi vì:

Chị H cho rằng trong thời gian vợ chồng còn sống chung, vào năm 2012 chị đã sửa nhà của bà N để ở với số tiền là 82.000.000đ, nhưng chị không liệt kê được chị đã sửa gồm những hạng mục gì trong nhà, mỗi hạng mục chị sửa hết chi phí bao nhiêu tiền. Lần sửa nhà thứ 2 vào năm 2018, sau khi vợ chồng ly hôn (ly hôn năm 2017) nhưng chị vẫn sống trong nhà bà N, chị tiếp tục sửa nhà với số tiền 45.000.000đ, chị cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh là đã sửa những hạng mục gì với số tiền nêu trên.

Toà án nhân dân huyện Tam Nông có Thông báo yêu cầu chị H cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh (Thông báo ngày 08/12/2022) nhưng chị H không cung

cấp được chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án để xem xét theo yêu cầu khởi kiện của chị H.

Tại phiên tòa hôm nay chị H xác định chi phí đóng la phong và lợp lại mái nhà (bằng tol) với tổng số tiền là 5.500.000đ, còn các hạng mục khác không xác định được.

Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay anh Phan Thanh B là bị đơn, đồng thời là đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Lê Thị N thừa nhận vào năm 2012 vợ chồng cùng về sống chung với mẹ ruột anh là bà Lê Thị N, vợ chồng có gắn lại bộ cửa Đài Loan và có tô lại tường với chi phí là 25.000.000đ, đây là tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân nên anh chị được quyền sở hữu. Tuy nhiên, anh B không có yêu cầu gì đối với bà N, Do đó, xác định số tiền của chị H trong số tiền mà chị H và anh B đã bỏ ra để sửa nhà là $\frac{1}{2}$ của 25.000.000đ là 12.500.000đ.

Đối với lần sửa nhà năm 2018, tại phiên tòa anh B cũng thừa nhận sau khi ly hôn vào năm 2017, do H chưa có chỗ ở nên bà N vẫn cho H ở lại, anh đi làm ăn xa về nhà năm 2018 thấy nhà bà N có đóng la phong (trước đây không có) và có lợp lại tôn mới, anh thống nhất chi phí làm la phong và lợp mái tôn với tổng số tiền mà chị H trình bày là 5.500.000đ. Đồng thời, anh B cũng thừa nhận thời điểm sau khi ly hôn không còn qua lại, đóng góp sửa nhà với chị H. Do đó, xác định số tiền sửa nhà năm 2018 số tiền 5.500.000đ là do chị H tự xuất tiền cá nhân ra để sửa.

Tại phiên tòa hôm nay chị H và anh B đều thừa nhận căn nhà trên là của bà Lê Thị N, chứ không phải là tài sản của vợ chồng, nay chị H và anh B không yêu cầu gì đối với căn nhà trên. Do đó, không có cơ sở buộc anh Phan Thanh B có trách nhiệm trả lại số tiền đã sửa nhà cho chị Quách Thị Kim H. Do các bên đều xác định căn nhà mà chị H, anh B đã sửa chữa là của bà Lê Thị N, sau khi sửa chữa chị H không được sử dụng mà bà Lê Thị N đang quản lý, sử dụng nên buộc bà Lê Thị N có trách nhiệm trả lại số tiền trên cho chị H là phù hợp.

Từ những căn cứ nêu trên, có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu của chị Quách Thị Kim H đối với bà Lê Thị N là phù hợp. Không chấp nhận yêu cầu của chị Quách Thị Kim H đối với anh Phan Thanh B.

[3]. Từ những nhận định trên, xét thấy ý kiến của Viện kiểm sát là có căn cứ, nên chấp nhận.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của chị H được chấp nhận một phần nên chị phải chịu án phí của phần không được chấp nhận. Các bị đơn phải chịu án phí theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 186, 217, 227 và Điều 235 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 166 của Bộ luật dân sự; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu của chị Quách Thị Kim H đối với anh Phan Thanh B.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Quách Thị Kim H đối với bà Lê Thị N. Buộc bà Lê Thị N có trách nhiệm trả số tiền sửa nhà hai lần là 18.000.000đ (mười tám triệu đồng) cho chị Quách Thị Kim H.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Đình chỉ yêu cầu của chị Quách Thị Kim H về yêu cầu anh Phan Thanh B, bà Lê Thị N phải trả lại số tiền chị H đã đóng gốc và lãi cho Ngân hàng Chính sách xã hội số tiền 4.763.000đ.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Lê Thị N phải nộp số tiền 900.000đ (Chín trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng bà Lê Thị N là người cao tuổi nên bà được xét miễn toàn bộ tiền tạm ứng án phí và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ, khoản 1 Điều 12, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chị Quách Thị Kim H phải nộp số tiền 5.450.000đ án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.294.000đ theo biên lai số 0013091, quyển số 0262, ngày 31/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp. Chị Quách Thị Kim H phải nộp thêm số tiền 2.156.000đ (Hai triệu một trăm năm mươi sáu ngàn đồng).

Báo cho các đương sự có mặt được biết, có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay.

Trường hợp bản án được Thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THA DS huyện;
- Đường sự;
- Lưu HS DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Kim Doãn